

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**BỘ KẾ HOẠCH VÀ
ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 555/2007/QĐ-BKH

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả
tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2006 - 2010****BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2006/NQ-CP ngày 09/10/2006 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và Nghị quyết của Quốc hội khóa XI về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị định số 99/2006/NĐ-CP

ngày 15/9/2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp Kinh tế quốc dân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 (sau đây gọi là khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung

ương khác, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là các bộ, ngành và địa phương) tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện theo từng mục tiêu cụ thể được phân công tại khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Căn cứ khung theo dõi, đánh giá kế hoạch 5 năm kèm theo Quyết định này và đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, vùng, các bộ, ngành và địa phương xây dựng và ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của ngành và địa phương.

Điều 4. Trách nhiệm báo cáo và thời gian gửi báo cáo

1. Các cơ quan nêu tại Điều 2 thuộc Quyết định này có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 theo định kỳ hàng năm, báo cáo giữa kỳ (2 năm) và báo cáo kết thúc kế hoạch 5 năm và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp báo cáo chung trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời gian gửi báo cáo:

Trước ngày 20 tháng 7 cùng với báo cáo kế hoạch hàng năm, các bộ, ngành và địa phương báo cáo thực hiện 6 tháng đầu

năm và ước thực hiện cả năm kế hoạch (đối với các chỉ tiêu hàng năm); báo cáo thực hiện kế hoạch 2 năm trước (đối với các chỉ tiêu báo cáo 2 năm 1 lần) và lũy kế đến năm báo cáo theo quy định tại khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm kèm theo Quyết định này. Riêng báo cáo năm 2007 gửi trước ngày 31 tháng 8 năm 2007.

Trước 20 tháng 11 báo cáo cập nhật tình hình thực hiện kế hoạch cả năm và lũy kế đến năm báo cáo.

Trước ngày 31 tháng 3 các bộ, ngành và địa phương báo cáo bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch năm trước và lũy kế đến năm báo cáo.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương khác, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề khó khăn vướng mắc, các bộ, ngành và địa phương phản ánh gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xử lý./.

BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc

**KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN KẾT QUẢ TÌNH HÌNH
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -**

XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

(kèm theo Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007)

- Mục tiêu tổng quát 1: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển
- Mục tiêu tổng quát 2: Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân
- Mục tiêu tổng quát 3: Bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững
- Mục tiêu tổng quát 4: Tăng cường quản lý và điều hành nhà nước, xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ DỰA
TRÊN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH
(kèm theo Quyết định số 555/2007)

Mục tiêu tổng quát 1: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả và

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chi số,
		Đầu ra
1	2	3
1.1. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, sớm đưa nước ta ra khỏi tình		
1.1.1. Giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế	- Khai thác mọi nguồn lực trong nước để đầu tư, huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ bên ngoài	- Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP giai đoạn 2006 - 2010: 40%
		- Tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010: 17,1%
		- Tỷ lệ vốn đầu tư của tư nhân và dân cư so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010: 34,4%
		- Tỷ lệ vốn đầu tư từ nguồn vốn tín dụng nhà nước so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010 chiếm 9,3%
		- Tỷ lệ vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước so với tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010 chiếm 15,1%

TRÊN KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

TÊ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

(QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007)

tình bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
4	5	6

trạng kém phát triển

<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 7,5 - 8%, phấn đấu đạt mức cao hơn 8%. - GDP bình quân đầu người năm 2010: 1.050 - 1.100 USD 	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
	Tổng cục Thống kê	
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội	
	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban đổi mới doanh nghiệp nhà nước	

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chỉ số,
		Đầu ra
1.1.1. Giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế (tiếp theo)	- Khai thác mọi nguồn lực trong nước để đầu tư, huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ bên ngoài (tiếp theo)	- Tỷ lệ vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010: 20,2%
		- Cam kết ODA 5 năm 2006 - 2010 trên 19 tỷ USD; giải ngân 2006 - 2010 trên 11 tỷ USD
		- Tỷ lệ vốn đầu tư theo ngành so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010: + Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 13,5% + Công nghiệp và xây dựng: 44,5% + Giao thông vận tải, bưu điện: 11,9% + Giáo dục và đào tạo: 4,6% + Y tế, xã hội: 2,7% + Khoa học công nghệ, điều tra cơ bản, môi trường: 1,7% + Nhà ở, công cộng, cấp nước, dịch vụ: 13,2% + Văn hóa, thể thao: 2,3%
	- Đầu tư mới, cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi. - Áp dụng các công nghệ tưới, tiêu hiện đại	- Năng lực tăng thêm về tưới, tiêu, ngăn mặn trong ngành nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010: + Tưới: 400 nghìn ha + Tiêu: 200 nghìn ha + Ngăn mặn: 200 nghìn ha

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu GDP theo ngành đến năm 2010: + Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 15 - 16% + Công nghiệp, xây dựng: 43 - 44% + Dịch vụ: 40 - 41% 	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ diện tích được tưới, tiêu chủ động. - Mức sử dụng nước tưới/ diện tích gieo trồng. 	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chỉ số,
		Đầu ra
1.1.1. Giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế (tiếp theo)	- Đầu tư cho giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tăng thêm đường bộ giai đoạn 2006 - 2010: + Số km đường quốc lộ: 5.800 km + Đường địa phương (làm mới, nâng cấp, cải tạo): 100.000 km - Năng lực tăng thêm đường sắt giai đoạn 2006 - 2010: + Đường sắt được nâng cấp: 950 km + Đường sắt xây mới: 98 km - Năng lực tăng thêm thông qua các cảng giai đoạn 2006 - 2010: + Cảng đường sông (chỉ tính các cảng chuyên dùng): 35,900 triệu tấn + Cảng biển: 65 triệu tấn + Cảng hàng không: 14,8 triệu hành khách/năm
	- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển ngành điện	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mạng lưới điện đồng bộ. - Năng lực tăng thêm ngành điện giai đoạn 2006 - 2010: 16.800 MW + Thủy điện: 5.500 MW + Nhiệt điện than: 6.400 MW + Nhiệt điện khí: 4.900 MW - Điện sản xuất đến năm 2010 đạt 112 tỷ KWh
	- Mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ thuê bao internet đến năm 2010 đạt 12,6 thuê bao/100 dân

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng vận tải hàng hóa tăng khoảng 9,4%/năm - Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 10,7%/năm - Khối lượng vận chuyển hành khách tăng khoảng 9,8% - Khối lượng luân chuyển hành khách tăng 11,5% - Tiếp nhận hành khách tại các sân bay năm 2010: 20,8 triệu lượt hành khách - Hàng hóa thông qua cảng biển đạt 208 triệu tấn vào năm 2010. 	Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Giao thông vận tải
<ul style="list-style-type: none"> - Tồn thất điện năng năm 2010: 10% 	Bộ Công nghiệp	Bộ Công nghiệp
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dân số thường xuyên sử dụng internet năm 2010 đạt 48% dân số 	Bộ Bưu chính, Viễn thông	Bộ Bưu chính, Viễn thông

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chỉ số,
		Đầu ra
1.1.2. Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp giảm chi phí trung gian. - Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, ứng dụng và phát triển công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới. Chuyển giao, áp dụng công nghệ tiên tiến. - Quản lý chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả một đồng chi phí (GDP/chi phí trung gian) năm 2010: 1,50 + Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 1,64 + Công nghiệp và xây dựng: 1,28 + Dịch vụ: 2,8
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi sở hữu giai đoạn 2006 - 2010: 2.663 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 1.000 doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng giá trị gia tăng hàng năm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: 3 - 3,2% - Tốc độ tăng giá trị gia tăng hàng năm ngành công nghiệp và xây dựng: 9,5 - 10,2% - Tốc độ tăng giá trị gia tăng hàng năm ngành dịch vụ: 7,7 - 8,2% - Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 17,5%/năm - Tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa so với GDP năm 2010: 69 - 72% - Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến, tinh chế, chế tạo so với tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010: 65 - 70% 	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, Bộ Thương mại
<ul style="list-style-type: none"> - Số doanh nghiệp nhà nước thua lỗ hàng năm giảm 	Ban Đổi mới doanh nghiệp	Ban đổi mới doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chi số,
		Đầu ra
1.1.2. Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế (tiếp theo)	- Thực hiện cơ chế một cửa liên thông (đăng ký kinh doanh, cấp dấu, mã số thuế)	- Số doanh nghiệp hoạt động vào năm 2010 là 500 nghìn doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp thành lập mới khoảng 320 nghìn.
	- Hoàn thiện khung pháp luật cho việc tạo lập thị trường, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các thành phần kinh tế	- Mức độ hoàn thành các cam kết yêu cầu sau khi gia nhập WTO, các cam kết song phương, đa phương và các cam kết quốc tế khác
1.2. Duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định		
1.2.1. Xây dựng nền tài chính quốc gia vững mạnh, tiềm lực và quy mô tài chính được tăng cường, an ninh tài chính được đảm bảo	- Cải cách chính sách thuế, mở rộng đối tượng thu, đổi mới cơ chế quản lý ngân sách nhà nước	- Tỷ lệ huy động vào NSNN so với GDP: 21 - 22% - Tỷ lệ thu từ thuế và phí so với GDP giai đoạn 2006 - 2010: 20 - 21%
	- Tiếp tục hoàn chỉnh chính sách và cơ chế quản lý đối với thị trường tài chính	- Tổng vốn hóa thị trường chứng khoán có tổ chức đến năm 2010 đạt 10 - 15% GDP

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tạo thêm nhiều việc làm mới của khu vực doanh nghiệp. - Đóng góp vào NSNN của khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tăng lên. - Tăng thị phần chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế. - Tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh hài lòng về môi trường pháp lý bình đẳng. 	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Thương mại
	Bộ Tư pháp	
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ bội chi ngân sách so với GDP năm 2010: 5% - Tổng dư nợ vay nợ của nước ngoài/GDP - Vay nước ngoài của Chính phủ so với GDP giai đoạn 2006 - 2010 trong giới hạn an toàn cho phép 35,9% 	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chỉ số,
		Đầu ra
1.2.2. Bảo đảm an toàn hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế vào lĩnh vực ngân hàng Cải tiến quản lý rủi ro trong các ngân hàng thương mại 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng cho vay các khu vực kinh tế: <ul style="list-style-type: none"> + Khu vực doanh nghiệp nhà nước + Khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh - Tỷ lệ tín dụng trung và dài hạn trên tổng dư nợ - Tỷ lệ số vốn huy động ngắn hạn chuyển cho vay trung và dài hạn trên tổng số vốn huy động ngắn hạn
1.3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lao động		
1.3.1. Chuyển dịch cơ cấu lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng nhiều lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lao động được giải quyết việc làm giai đoạn 2006 - 2010: 8 triệu lao động - Tỷ trọng lao động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2010: 50% - Tỷ trọng lao động công nghiệp và xây dựng đến năm 2010: 23 - 24% - Tỷ trọng lao động dịch vụ đến năm 2010: 26 - 27% số lao động trong độ tuổi - Giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị năm 2010 xuống dưới 5%

Chi tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán giai đoạn 2006 - 2010: tăng 18 - 20%/năm - Tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng giai đoạn 2006 - 2010: 18 - 20%/năm - Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng/M2 năm 2010 không quá 18% - Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ đến năm 2010 đạt dưới 5% - Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đến năm 2010 không dưới 8% - Tỷ lệ áp dụng chuẩn mực giám sát ngân hàng đến năm 2010 đạt chuẩn mực quốc tế 	Ngân hàng Nhà nước	Ngân hàng Nhà nước
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trong thu nhập của hộ tăng 	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê

Mục tiêu	Hoạt động, Đầu vào ⁽¹⁾	Chỉ số,
		Đầu ra
1.3.2. Nâng cao chất lượng lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và trên đại học - Tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển mới đại học, cao đẳng đến năm 2010: 200 sinh viên/10.000 dân; - Tuyển mới trung học chuyên nghiệp tăng 14,7%/năm; - Dạy nghề: 7,5 triệu lao động

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả, Tác động	Đầu ra	Kết quả, Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo/tổng số lao động năm 2010: 40%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 25%. - Năng suất lao động xã hội (GDP/lao động) năm 2010: 33,8 triệu đồng/l.động/năm. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Ngành nông nghiệp: 10,8 triệu đồng/l.động/năm. + Ngành công nghiệp: 66 triệu đồng/l.động/năm. + Ngành dịch vụ: 49,4 triệu đồng/l.động/năm 	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê

Mục tiêu tổng quát 2 - Cải thiện rõ rệt đời sống		
Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số/
		Đầu ra
2.1. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa		
2.1.1. Tạo nhiều khả năng và cơ hội học tập khác nhau cho mọi người	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện các biện pháp xã hội hóa giáo dục và đào tạo- Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất giáo dục, đào tạo, dạy nghề	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo/tổng chi ngân sách nhà nước: 20%- Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp- Số giờ học cả ngày ở cấp tiểu học được nâng lên- Số tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở- Số phòng học được xây dựng mới và cải tạo- Giảm phòng học 3 ca
	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện chính sách trợ cấp học phí hoặc học bổng cho học sinh giáo dục phổ cập, cho học sinh là đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ hộ nghèo và các hộ chính sách được hưởng giáo dục cơ bản miễn phí- Tỷ lệ chi cho giáo dục từ các hộ gia đình so với tổng chi cho giáo dục, theo nhóm dân tộc, nhóm thu nhập, theo vùng

vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân		
Chi tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo năm 2010 đạt 95% - Tỷ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi năm 2010 đạt 99% - Tỷ lệ nhập học PTTH đúng độ tuổi năm 2010 đạt 50% - Tỷ lệ nhập học THCS đúng độ tuổi năm 2010 đạt 90% - Tuyển mới đại học và cao đẳng tăng 10,3%/năm - Tuyển mới trung học chuyên nghiệp tăng 14,7%/năm - Tuyển mới dạy nghề tăng 7,2%, trong đó dạy nghề dài hạn tăng 17% 	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo theo nhóm dân tộc, nhóm thu nhập, theo vùng - Tỷ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi phân theo nhóm thu nhập, theo vùng - Tỷ lệ nhập học PTTH đúng độ tuổi theo nhóm thu nhập, theo vùng - Tỷ lệ nhập học THCS đúng độ tuổi theo nhóm thu nhập, theo vùng - Tỷ lệ sinh viên đại học theo nhóm thu nhập, theo vùng - Tỷ lệ biết chữ từ 15 - 24 tuổi theo nhóm thu nhập, theo vùng 	- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân tộc	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số/ Đầu ra
		Đầu ra
2.1.2. Nâng cao chất lượng giáo dục	- Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học và phổ thông trung học	- Tỷ lệ giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng năm 2010: 40% - Tỷ lệ giáo viên PTTH có trình độ thạc sỹ năm 2010: 10%
	- Cải tiến chương trình, nội dung và phương pháp dạy học	- Tỷ lệ học sinh có sách giáo khoa theo chương trình và phương pháp dạy học mới
		- Tỷ lệ học sinh so với giáo viên
2.2. Đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân		
2.2.1. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng	- Đầu tư hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở (thực hiện các biện pháp xã hội hóa y tế)	- Tỷ lệ chi ngân sách cho y tế trong tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010: 8 - 10% - Số giường bệnh trên 1 vạn dân năm 2010: 26,3
	- Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch phát triển hệ thống y tế	- Tỷ lệ giường bệnh trong các bệnh viện tư/tổng số giường bệnh
	- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng và chiến dịch phòng tránh các bệnh nguy hiểm và HIV/AIDS	- Chi đầu tư cho trung tâm y tế dự phòng tỉnh - Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ 6 loại vacxin năm 2010: 95%

Chi tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp - Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và khu vực - Số giờ học thực hành trên tổng số giờ học 	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dân số được tiếp cận với dịch vụ y tế - Tuổi thọ bình quân năm 2010 đạt 72 tuổi - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2010 < 20% - Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống năm 2010: 60 người - Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi năm 2010: 1,6‰; dưới 5 tuổi năm 2010: 2,5‰ - Tỷ lệ mắc bệnh như sốt rét, bấu cổ, lao, phong và các bệnh dịch nguy hiểm, các bệnh xã hội giảm 	- Bộ Tài chính; Bộ Y tế, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, UBND tỉnh, thành phố

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số
		Đầu ra
2.2.1. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi ngân sách cho y tế trên tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010: 8 - 10% - Số giường bệnh trên 1 vạn dân năm 2010: 26,3 - Tỷ lệ giường bệnh trong các bệnh viện tư/tổng số giường bệnh - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Số bác sĩ trên 10.000 dân năm 2010: 7 bác sĩ - Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ năm 2010: 80%, trong đó xã miền núi 60% - Số dược sĩ trên 10.000 dân: 1 - 1,2 - Tỷ lệ trạm y tế xã có đủ điều kiện hoạt động và đủ nữ hộ sinh: 100%
	- Đảm bảo thực phẩm sạch theo yêu cầu của Tổ chức y tế thế giới (WHO)	- Tỷ lệ mẫu thực phẩm được kiểm nghiệm và công nghệ sản xuất nông nghiệp đạt chuẩn về an toàn thực phẩm của WHO
	- Xây dựng và thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế - Tỷ lệ người nghèo và cận nghèo được cấp bảo hiểm y tế

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dân số được tiếp cận với dịch vụ y tế - Tỷ lệ người mắc bệnh dịch nguy hiểm, các bệnh xã hội giảm - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2010 < 20% - Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống năm 2010: 60 người - Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi năm 2010: 1,6‰; dưới 5 tuổi năm 2010: 2,5‰ - Tỷ lệ mắc bệnh như sốt rét, bấu cổ, lao, phong và các bệnh dịch nguy hiểm, các bệnh xã hội giảm - Tuổi thọ bình quân năm 2010 đạt 72 tuổi 	Bộ Y tế, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Số vụ ngộ độc thực phẩm giảm 	Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Y tế, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân sử dụng thẻ bảo hiểm y tế hài lòng với các dịch vụ khám chữa bệnh được cung cấp 	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số
		Đầu ra
2.2.2. Kiểm chế tốc độ tăng dân số; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách về công tác dân số. - Nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân 0,4% - Tốc độ tăng dân số đến năm 2010: 1,14%
2.3. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa thông tin. Phát triển các cơ sở văn hóa phục vụ cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho ngành văn hóa thông tin so tổng chi NSNN - Tỷ lệ huy động các nguồn lực khác đầu tư cho ngành văn hóa thông tin trên GDP - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa: 70% - Tỷ lệ làng, bản đạt chuẩn văn hóa: 70% - Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa: 90% - Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công: 100% - Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang hoạt động theo cơ chế phục vụ công ích
	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ cập các phương tiện nghe nhìn, xem truyền hình tới toàn dân, kể cả vùng sâu, vùng xa 	<ul style="list-style-type: none"> - Số giờ chương trình truyền hình Việt Nam năm 2010 đạt 130 nghìn giờ/năm - Số giờ chương trình Đài tiếng nói Việt Nam năm 2010 đạt 54 nghìn giờ/năm - Số các chương trình phát thanh được phát bằng tiếng dân tộc - Số buổi chiếu phim lưu động: 6 buổi/người/năm

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<p>- Quy mô dân số đến năm 2010: 88,4 triệu người</p>	<p>Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; Tổng cục Thống kê, UBND tỉnh, thành phố</p>	<p>Tổng cục Thống kê</p>
<p>- Quy mô dân số đến năm 2010: 88,4 triệu người</p>	<p>Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Văn hóa - Thông tin, UBND tỉnh, thành phố</p>
<p>- Tỷ lệ hộ xem được Truyền hình Việt Nam năm 2010: 99,5%</p> <p>- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam năm 2010: 99,5%</p>	<p>Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam</p>	<p>Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, UBND tỉnh, thành phố</p>
<p>- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc</p>	<p>Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Dân tộc</p>	<p>Đài Tiếng nói Việt Nam, UBND tỉnh, thành phố, Ủy ban Dân tộc</p>

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số/ Đầu ra
		Đầu ra
2.3 Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (tiếp theo)	- Bảo tồn văn hóa truyền thống Việt Nam	- Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng,.. được bảo tồn
2.4. Phát triển quy mô và chất lượng các hoạt động thể dục thể thao, nâng cao thể lực	- Chú trọng phát triển thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư	- Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao (100%), trong đó số cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập đạt 90% - Tỷ lệ trường đảm bảo giáo dục thể chất năm 2010: 90%
	- Xây dựng quy hoạch hệ thống cơ sở thể dục, thể thao	- Số tỉnh, thành phố, quận, huyện có đủ các công trình Thể dục Thể thao cơ bản: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu đa năng,...
	- Tăng cường hệ thống đào tạo vận động viên, huấn luyện viên - Mở rộng quá trình chuyên nghiệp hóa thể thao thành tích cao phù hợp với điều kiện cụ thể	- Chi ngân sách nhà nước và các nguồn vốn nhà nước khác cho đào tạo vận động viên. - Một số môn thể thao hoạt động theo cơ chế chuyên nghiệp

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Số người đến tham quan các điểm du lịch và văn hóa - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn) 	Bộ Văn hóa - Thông tin, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Văn hóa - Thông tin, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên năm 2010: 22% - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao năm 2010: 15% 		
<ul style="list-style-type: none"> - Số vận động viên cấp cao năm 2010: 2.900 vận động viên, trong đó vận động viên cấp kiện tướng là 2.000 người. - Số huấn luyện viên đến năm 2010 là 2.500 người. - Tại ASIAD 2010 đoàn Thể thao Việt Nam đạt từ 8 đến 10 huy chương vàng 	Ủy ban Thể dục Thể thao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban Thể dục Thể thao, UBND tỉnh, thành phố

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số/
		Đầu ra
2.5. Giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm bất bình đẳng về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Hỗ trợ		
2.5.1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo	<ul style="list-style-type: none">- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và chương trình 135- Tăng chi ngân sách nhà nước cho các tỉnh nghèo	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ xã nghèo được hỗ trợ về kết cấu hạ tầng thiết yếu đến 2010: 100%- Tỷ lệ xã nghèo có đường ô tô đến trung tâm xã- Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sạch năm 2010: 75%- Số xã nghèo được công nhận thoát nghèo; số hộ thoát nghèo
2.5.2. Hỗ trợ thỏa đáng cho người có công với nước	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, gia đình thương binh liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none">- Chi ngân sách cho đối tượng chính sách
2.5.3 Phát triển mạng lưới an sinh xã hội	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng hệ thống giải pháp cứu trợ xã hội đột xuất hữu hiệu giúp đỡ người nghèo, người dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro, thiên tai, tai nạn và các tác động xã hội không thuận lợi	<ul style="list-style-type: none">- Số người được tham gia tổ chức tập huấn về phòng chống thiên tai- Tỷ lệ người nghèo được hỗ trợ kinh phí để cải thiện nhà ở tránh bão, tránh lụt

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
thỏa đáng người có công với nước. Phát triển mạng lưới an sinh xã hội		
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ nghèo năm 2010: 10 - 11% - Thu nhập bình quân của người nghèo tăng - Giảm chênh lệch thu nhập giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp dân cư: + Thu nhập bình quân của 20% hộ nghèo nhất + Thu nhập bình quân của 20% hộ giàu nhất - Hệ số chỉ tiêu giữa nhóm có thu nhập cao nhất so với nhóm có thu nhập thấp nhất 	<p>Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các tỉnh, thành phố</p>	<p>Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, thành phố</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ gia đình chính sách được hưởng trợ cấp xã hội - Tỷ lệ người có công được cải thiện mức sống 	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, thành phố</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tỷ lệ thiệt hại về người và của do thiên tai gây ra - Giảm số hộ bị tái nghèo do thiên tai và rủi ro khác (giảm 50%) 	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, thành phố</p>

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chi số
		Đầu ra
2.5.3. Phát triển mạng lưới an sinh xã hội (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa mạng lưới an sinh tự nguyện, xây dựng các loại hình bảo hiểm cho người nghèo (bảo hiểm cây trồng, vật nuôi, tiền vay...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân đóng bảo hiểm xã hội
2.6. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đồng bào dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập (chương trình 135, 134) - Ưu tiên hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số về cơ sở hạ tầng và các dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục... - Hỗ trợ công tác đào tạo khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo nghề cho đồng bào các dân tộc thiểu số 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng ngân sách chi cho các chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân được hưởng trợ cấp xã hội 	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, UBND tỉnh, thành phố	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo ở các cấp tăng lên - Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số giảm mạnh - Thu nhập người dân tộc thiểu số tăng - Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc tham gia chính quyền trên tổng số cán bộ nữ tham gia chính quyền - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được qua đào tạo 	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc, UBND các tỉnh, thành phố	Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ, UBND tỉnh, thành phố

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chỉ số
		Đầu ra
2.6. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đồng bào dân tộc thiểu số (tiếp theo)	- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dạy tiếng dân tộc	- Tỷ lệ trường tiểu học, phổ thông cơ sở tại vùng dân tộc thiểu số tập trung có dạy tiếng dân tộc thiểu số
	- Giao đất cho cộng đồng và cá nhân dân tộc thiểu số	- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được cấp sổ đỏ đối với đất nông nghiệp và đất rừng
2.7. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ và bảo vệ quyền lợi của trẻ em		
2.7.1. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ	Thực hiện chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2010 Nâng cao nhận thức về giới của các ngành, các cấp Hoàn thiện các chính sách, các quy định đối với nữ giới	- Tỷ lệ nữ tham gia các cơ quan chính quyền, hội đồng nhân dân các cấp, Quốc hội (tăng 3 - 5%) - Tỷ lệ phụ nữ bị bạo hành trong gia đình - Tỷ lệ phụ nữ trong số người được đào tạo nghề và vay tín dụng

Chi tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em được dạy tiếng dân tộc thiểu số - Tỷ lệ công trình văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì và phát triển 	Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, thành phố	Ủy ban Dân tộc, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số ổn định chỗ ăn ở và sản xuất 	Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố	Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số GEM - Chỉ số GDI - Tỷ lệ lao động nữ trong tổng số việc làm mới đến 2010: 50% 	Bộ Nội vụ, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Ngân hàng Chính sách, UBND tỉnh, thành phố	Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, thành phố

Mục tiêu	Hoạt động/ Đầu vào	Chi số
		Đầu ra
2.7.2. Tạo điều kiện để trẻ em được sống trong môi trường thân thiện, lành mạnh, an toàn, góp phần xây dựng nguồn nhân lực tương lai của đất nước	Triển khai chương trình hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2010	<ul style="list-style-type: none"> - Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đến năm 2010: 70% - Số trường học được cung cấp nước an toàn và có đủ nhà vệ sinh phù hợp với trẻ em giành riêng cho nam và nữ đến năm 2010: 85% - Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo vệ, chăm sóc năm 2010: 90%.
2.7.3. Phòng chống các tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp mạnh về pháp luật nhằm phòng chống các tệ nạn xã hội. - Đầu tư cơ sở vật chất để hình thành hệ thống Trung tâm Giáo dục, chữa bệnh cho người nghiện ma túy, mại dâm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ phường xã có tổ chức định kỳ các hoạt động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội. - Số người nghiện ma túy, mại dâm có hồ sơ quản lý cai nghiện, chữa trị

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em trong các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em khuyết tật được tiếp xúc với các dịch vụ cơ bản: học tập, chăm sóc sức khỏe, hoạt động xã hội tăng - Tỷ lệ trẻ em bị lạm dụng, xâm hại tình dục, lao động nặng nhọc giảm - Tỷ lệ lao động trẻ em dưới 16 tuổi giảm - Tỷ lệ trẻ em lang thang, cơ nhỡ, khuyết tật được nhận các trợ giúp xã hội 	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, UBND tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh, thành phố</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Số vụ buôn bán phụ nữ và trẻ em; - Số vụ buôn bán và sử dụng ma túy được xử lý - Tỷ lệ tái nghiện, tái phạm giảm 	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Công an</p>

Mục tiêu tổng quát 3 - Bảo vệ tài nguyên môi trường		
Mục tiêu	Hoạt động/Đầu vào	Chỉ số/
		Đầu ra
3.1. Quản lý khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên		
3.1.1. Tăng diện tích che phủ rừng và chất lượng rừng	- Tiếp tục thực hiện Dự án 5 triệu ha rừng	- Tỷ lệ diện tích rừng phòng hộ/ diện tích có rừng năm 2010: 40% - Tỷ lệ diện tích rừng đặc dụng/ diện tích có rừng năm 2010: 15% - Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất/ diện tích có rừng năm 2010: 45%
	- Nâng cao chất lượng rừng	
3.1.2. Sử dụng hợp lý có hiệu quả và bền vững tài nguyên nước, tài nguyên thiên nhiên môi trường ở các lưu vực sông, đảm bảo môi trường sinh thái	- Thực hiện chính sách sử dụng và khai thác hiệu quả tài nguyên nước. - Xử lý cơ bản sự cố môi trường trên các dòng sông	- Tỷ lệ thất thoát trong sử dụng nước - Mức độ ổn định lưu lượng dòng chảy các lưu vực chính. - Sự biến động mực nước ngầm. - Cấp nước đô thị 2006 - 2010 là 2.600 nghìn m ³ - Giải quyết cơ bản các điểm nóng về nhiễm độc đi-ô-xin
3.1.3. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất	- Tăng cường công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất - Triển khai chương trình chống sa mạc hóa.	- Quỹ đất đã khai thác: cần bảo vệ - Quỹ đất chưa khai thác: đưa vào khai thác có hiệu quả - Tỷ lệ diện tích đất các loại được giao quản lý sử dụng

trường và phát triển bền vững		
Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
(năng, nước, đất), cải thiện môi trường		
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đất có rừng che phủ trên tổng diện tích đất tự nhiên năm 2010: 42% - 43% - Tổng diện tích các khu bảo tồn tự nhiên (đặc biệt là khu bảo tồn biển và đất ngập nước) so với diện tích đất tự nhiên năm 2010 lên 11,2% - Khôi phục 50% rừng đầu nguồn bị suy thoái - Trữ lượng rừng đạt trung bình 100 m³/ha 	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ doanh nghiệp được cấp đủ nước cho sản xuất; - Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2010: 75% - Tỷ lệ hộ dân thành thị được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2010: 95% - Chất lượng nước các lưu vực sông đạt tiêu chuẩn dùng cho nông nghiệp và nuôi trồng một số thủy sản 	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đất được khai thác và sử dụng hiệu quả 	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố

Mục tiêu	Hoạt động/Đầu vào	Chỉ số
		Đầu ra
3.1.4. Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo, giảm thiểu tác hại của thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm (bão, áp thấp nhiệt đới, không khí lạnh, đỉnh lũ) - Cảnh báo thiên tai - Tăng năng lực hoạt động tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo đúng đỉnh lũ hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình trước 48 giờ giai đoạn 2006 - 2010: 80,5% - Dự báo đúng lũ sông Cửu Long trước 3 - 5 ngày giai đoạn 2006 - 2010: 80,5% - Dự báo bão trước 48 giờ với độ chính xác cao - Lũ quét, sóng thần: dự báo với độ chính xác cao
3.2. Giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường		
3.2.1. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, khu vực làng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn chỉnh hệ thống chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường. - Ban hành chuẩn mực về môi trường. - Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. - Ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ về xử lý ô nhiễm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ các doanh nghiệp được cấp chứng chỉ ISO 14001 năm 2010: 50% - Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2010: 100% - Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2010: 70%; các khu đô thị: 40% - Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và dịch vụ năm 2010: 90% - Tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại năm 2010: 80% - Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý năm 2010: 100% - Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2010: 75%

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/ Tác động
- Số người, phương tiện bị thiệt hại do bão, lũ lụt, lũ quét, sóng thần gây ra giảm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tổng cục Thống kê, UBND tỉnh, thành phố
- Tỷ lệ ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, làng nghề, các thành phố và vệ sinh môi trường nông thôn ở các vùng có mật độ dân số cao giảm	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố

Mục tiêu	Hoạt động/Đầu vào	Chỉ số
		Đầu ra
3.2.2. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở các thành phố, các khu đô thị lớn và ở các vùng nông thôn có mật độ dân số cao	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, xử lý ô nhiễm môi trường trên các hồ, ao, kênh mương, cống rãnh. - Khuyến khích người dân tham gia trồng cây. - Khuyến khích người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng. - Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường - Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do chất độc hóa học tồn lưu sau chiến tranh 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường phố có cây xanh năm 2010 90% - Tỷ lệ đất công viên ở các đô thị tăng gấp 2 lần so năm 2000 - Tỷ lệ các khu nhà ở chuột ở đô thị và nông thôn được xóa bỏ năm 2010 100%
3.3. Phát triển bền vững	- Thực hiện định hướng chiến lược phát triển bền vững (Agenda21)	<ul style="list-style-type: none"> - Số văn bản hướng dẫn xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo hài hòa cả 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường - Chi ngân sách nhà nước cho thực hiện chương trình nghị sự 21

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/ Tác động
<p>- Giảm ô nhiễm không khí và ô nhiễm đô thị và các vùng nông thôn có mật độ dân số cao</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố</p>
<p>- Số bộ, ngành, địa phương tổ chức xây dựng và ban hành chương trình nghị sự 21</p> <p>- Số bộ, ngành và địa phương thực hiện các mô hình thí điểm bền vững (ít nhất 2 - 3 mô hình phát triển bền vững)</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

Mục tiêu tổng quát 4: Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thể

Mục tiêu	Hoạt động/Đầu vào	Chỉ số
		Đầu ra
4.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		
4.1.1. Xây dựng và hoàn thiện các thể chế kinh tế	- Rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật theo từng ngành lĩnh vực	- Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu lực hoặc trùng lặp được loại bỏ - Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành
4.1.2 Cải cách thủ tục hành chính	- Đơn giản hóa thủ tục hành chính công, loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo - Các cấp hành chính nhà nước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000	- Số đơn vị hành chính các cấp thực hiện chính sách một cửa. - Số quy định không cần thiết về cấp phép, thanh tra, kiểm tra, kiểm định, giám định được xóa bỏ - Số đơn vị cơ quan nhà nước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001-2000
4.1.3. Cải cách bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ	- Ban hành Luật Tổ chức Chính phủ sửa đổi - Xây dựng và thực hiện tốt Luật công chức	- Các cơ quan nhà nước có chức năng nhiệm vụ rõ ràng
	- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	- Trình độ cán bộ, công chức được nâng cao
4.2. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu trong bộ máy nhà nước	- Ban hành Nghị định hướng dẫn thực hành Luật chống tham nhũng	- Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo kê khai tài sản theo Luật Phòng, chống tham nhũng - Quy chế quy định trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan trước cấp trên và trước pháp luật đối với các hành vi trái pháp luật, kỷ luật hành chính, phạm tội hình sự

chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
<p>- Môi trường pháp lý được cải thiện</p>	<p>Bộ Tư pháp; các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>Bộ Tư pháp</p>
<p>- Tỷ lệ các doanh nghiệp hài lòng với thủ tục hành chính hiện hành</p> <p>- Mức độ hài lòng của người dân về các dịch vụ công chủ yếu (về số lượng và chất lượng dịch vụ)</p> <p>- Số cơ quan hành chính được cấp giấy chứng nhận TCVN - ISO 9001-2000</p>	<p>Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố</p>	<p>Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các bộ, UBND tỉnh, thành phố</p>
<p>- Xếp hạng của Việt Nam trên bảng đánh giá quốc tế về chỉ số tham nhũng</p>	<p>Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>Điều tra của các tổ chức quốc tế</p>

Mục tiêu	Hoạt động/Đầu vào	Chi số
		Đầu ra
4.2. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu trong bộ máy nhà nước (tiếp theo)	- Thực hiện Luật Đấu thầu	- Tỷ lệ đăng tải các thông tin đấu thầu công khai trên tờ báo về đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu.
	- Tăng cường sự tham gia của người dân trong quyết định các dự án đầu tư của địa phương	- Tỷ lệ dự án đầu tư có sự tham gia giám sát của người dân
	- Nâng cao hiệu quả hoạt động các dịch vụ công có nguy cơ tham nhũng cao (hải quan, địa chính, thuế)	- Tỷ lệ các cơ quan cung cấp dịch vụ của chính phủ công bố công khai phí dịch vụ
		- Tỷ lệ các cơ quan chính phủ, các cấp thực hiện giao dịch qua mạng
	- Nâng cao hiệu lực và tính minh bạch của các cơ quan địa chính; - Thành lập và vận hành các văn phòng địa chính huyện, quận	- Số huyện, quận xây dựng xong bản đồ địa chính và công bố công khai - Tỷ lệ hộ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
4.3. Nâng cao hiệu quả và tính minh bạch trong quản lý tài chính công		
4.3.1. Nâng cao năng lực của chính quyền địa phương	- Hỗ trợ hiệu quả cho công tác lập kế hoạch ở địa phương - Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách	- Số tỉnh đổi mới phương pháp lập kế hoạch dựa trên kết quả và có tham vấn ý kiến cộng đồng, kể cả người nghèo - Tỷ lệ các xã công khai thông tin về ngân sách xã

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	
<ul style="list-style-type: none"> - Số vụ khiếu kiện về đất đai giảm - Mức độ hài lòng của người sử dụng về dịch vụ địa chính 	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, thành phố
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ các báo cáo thực hiện kế hoạch áp dụng cách tiếp cận dựa trên kết quả và có số liệu đáng tin cậy 	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Mục tiêu	Hoạt động/Đầu vào	Chi số/
		Đầu ra
4.3.2. Quản lý tốt ngân sách nhà nước	- Phản ánh đầy đủ vào ngân sách các khoản thu, chi thuộc NSNN (kể cả thu, chi từ nguồn vốn ODA)	- Tỷ lệ chi tiêu công có thuộc tính ngân sách nhà nước (theo ngành và nguồn thu)/tổng chi ngân sách
4.3.2. Quản lý tốt ngân sách nhà nước (tiếp theo)	- Thực hiện tốt Luật Kiểm toán nhà nước	- Tỷ lệ của các Bộ, ngành và địa phương áp dụng báo cáo kiểm toán theo chuẩn kiểm toán Việt Nam - Kết luận kiểm toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước được công bố công khai trên báo chí
4.3.3. Đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong phân bổ ngân sách nhà nước tại các cấp địa phương	- Xây dựng tiêu chí, định mức rõ ràng và minh bạch về phân bổ nguồn lực công (chi đầu tư và chi thường xuyên) - Cải thiện sự gắn kết giữa kế hoạch chi thường xuyên và chi đầu tư	- Khung chi tiêu trung hạn (MTEF) áp dụng cho các Bộ và các địa phương - Khả năng dự báo chi tiêu ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, các cấp của địa phương được nâng lên

Ghi chú:

- Cột số 5 quy định cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo các tình hình thực hiện các chỉ tiêu
- Cột số 6 quy định cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu kết
- Theo Nghị định số 01/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2007, Tổng Cục thống kê
- Các bộ, ngành: gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ
- (1) Tất cả các hoạt động đầu vào trong cột này thuộc 3 mục tiêu tổng quát 1, 2 và 3 đều có

Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện theo dõi đánh giá và báo cáo đối với:	
Kết quả/Tác động	Đầu ra	Kết quả/Tác động
- Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương báo cáo thực hiện ngân sách nhà nước với số liệu đầy đủ và đáng tin cậy về chi tiêu công và tác động của chi tiêu công	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Tính minh bạch NSNN được nâng cao	Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Kiểm toán nhà nước	Kiểm toán Nhà nước
- Phân bổ chi tiêu ngân sách nhà nước gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của ngành, lĩnh vực địa phương - Tỷ lệ chi bảo dưỡng trên tổng chi ngân sách nhà nước và trên tổng chi đầu tư phát triển	Các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố	Các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố

đầu ra ghi ở cột số 3

quả, tác động ghi ở cột số 4

là đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

chỉ số, chỉ tiêu đầu vào là vốn đầu tư cho từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

**BẢNG TỔNG HỢP PHÂN CÔNG, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006 - 2010**

(kèm theo Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007)

Bảng phân công này được tổng hợp từ khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, được phân theo đầu bộ, ngành, địa phương như sau:

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan thuộc Chính phủ (Báo cáo hàng năm)

- Tỷ lệ số đơn vị áp dụng khung chỉ tiêu trung hạn (MTEF) trong xây dựng kế hoạch

- Phân bổ chỉ tiêu NSNN gắn với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của ngành, lĩnh vực

- Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo kê khai tài sản theo Luật Phòng, chống tham nhũng

- Quy chế quy định trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan trước pháp luật

- Số đơn vị, cơ quan áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN-ISO 9001 - 2000

- Số đơn vị được cấp giấy chứng nhận TCVN-ISO 9001 - 2000

- Áp dụng báo cáo kiểm toán hàng năm theo chuẩn kiểm toán Việt Nam

- Tỷ lệ dự án đầu tư có sự giám sát cộng đồng của người dân

- Thực hiện giao dịch qua mạng

- Công bố công khai phí dịch vụ (nếu có)

- Tỷ lệ chi bảo dưỡng trên tổng chi ngân sách nhà nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo hàng năm)

- Tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

- Tỷ lệ vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước so với tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

- Tỷ lệ vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

- Vốn đầu tư cam kết của các nhà tài trợ hàng năm

- Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (kể cả số thành lập mới).

- Tỷ lệ chi đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước chi cho giáo dục/tổng chi đầu tư phát triển

- Tỷ lệ chi đầu tư từ ngân sách nhà nước cho ngành văn hóa thông tin so tổng chi đầu tư phát triển thuộc NSNN

- Chi đầu tư phát triển cho các chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số

- Chi ngân sách nhà nước cho thực hiện chương trình nghị sự 21

- Sổ văn bản hướng dẫn xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo hài hòa 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường
 - Sổ bộ, ngành, địa phương tổ chức xây dựng và ban hành chương trình nghị sự 21
 - Sổ bộ, ngành và địa phương thực hiện các mô hình thí điểm bền vững
 - Tỷ lệ đăng tải các thông tin đấu thầu bắt buộc công khai trên tờ báo về đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu
 - Tỷ lệ các báo cáo thực hiện kế hoạch áp dụng cách tiếp cận dựa trên kết quả và có số liệu đáng tin cậy
 - Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương báo cáo thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc NSNN với số liệu đầy đủ và đáng tin cậy.
3. Tổng cục Thống kê
- (1). Báo cáo hàng năm
- Tốc độ tăng trưởng GDP
 - Tốc độ tăng giá trị gia tăng của các ngành trong nền kinh tế quốc dân
 - Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành trong nền kinh tế quốc dân
 - GDP bình quân đầu người
 - Cơ cấu GDP theo ngành
 - Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của tư nhân và dân
- cur so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội
- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa
 - Tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa so với GDP
 - Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến, tinh chế, chế tạo so với tổng kim ngạch xuất khẩu
 - Năng suất lao động xã hội (theo ngành)
 - Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp
 - Tỷ trọng lao động công nghiệp và xây dựng
 - Tỷ trọng dịch vụ
 - Quy mô dân số
 - Tuổi thọ bình quân năm
 - Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân
 - Tốc độ tăng dân số
 - Tỷ lệ thất nghiệp thành thị
- (2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)
- Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trong thu nhập của hộ nông dân
 - Tỷ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi phân theo nhóm thu nhập, theo vùng
 - Hệ số chi tiêu giữa nhóm có thu nhập cao nhất so với nhóm có thu nhập thấp nhất
 - Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số
 - Tỷ lệ nhập học PTTH đúng độ tuổi theo nhóm thu nhập, theo vùng
 - Tỷ lệ nhập học THCS đúng độ tuổi theo nhóm thu nhập, theo vùng
 - Tỷ lệ sinh viên đại học theo nhóm thu nhập, theo vùng
 - Tỷ lệ biết chữ từ 15 - 24 tuổi theo nhóm thu nhập, theo vùng
 - Quy mô dân số
 - Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo theo nhóm dân tộc, nhóm thu nhập, theo vùng
 - Mức độ hài lòng của người dân về các dịch vụ công chủ yếu (về số lượng và chất lượng dịch vụ)
 - Tỷ lệ chi cho giáo dục từ các hộ gia đình so với tổng chi cho giáo dục, theo nhóm dân tộc, nhóm thu nhập
 - Tỷ lệ vốn đầu tư theo ngành so với vốn đầu tư phát triển toàn xã hội
 - Giảm chênh lệch thu nhập giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp dân cư
 - Chỉ số GEM
 - Chỉ số GDI.
4. Bộ Tài chính (Báo cáo hàng năm)
- Tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước
 - Số doanh nghiệp nhà nước thua lỗ hàng năm
 - Đóng góp vào NSNN của khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài
 - Tỷ lệ huy động vào NSNN so với GDP
 - Tỷ lệ thu từ thuế và phí so với GDP
 - Tổng vốn hóa thị trường chứng khoán có tổ chức/GDP
 - Tỷ lệ bội chi ngân sách so với GDP
 - Tổng dư nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP
 - Vay nước ngoài của Chính phủ so với GDP
 - Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo
 - Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực y tế trên tổng chi ngân sách nhà nước và so với GDP
 - Chi ngân sách nhà nước và các nguồn vốn nhà nước khác cho đào tạo vận động viên
 - Chi NSNN cho các chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số
 - Tỷ lệ chi ngân sách cho đối tượng chính sách
 - Tỷ lệ chi tiêu công có tính chất ngân sách (ngoài cân đối ngân sách theo ngành và nguồn thu)/tổng chi ngân sách
 - Tỷ lệ các bộ, ngành và địa phương báo cáo thực hiện ngân sách nhà nước với số liệu đầy đủ và đáng tin cậy về chi tiêu công và tác động của chi tiêu công

- Chi ngân sách nhà nước cho thực hiện chương trình nghị sự 21.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(1). Báo cáo hàng năm

- Năng lực tăng thêm về tưới, tiêu, ngăn mặn trong ngành nông nghiệp

- Tỷ lệ diện tích được tưới, tiêu chủ động

- Mức sử dụng nước tưới/điện tích gieo trồng

- Tỷ lệ mẫu thực phẩm được kiểm nghiệm và công nghệ sản xuất nông nghiệp đạt chuẩn về an toàn thực phẩm của WHO

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh

- Tỷ lệ hộ dân thành thị được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh

- Tỷ lệ diện tích rừng phòng hộ trên diện tích có rừng

- Tỷ lệ diện tích rừng đặc dụng trên diện tích có rừng

- Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất trên diện tích có rừng

- Tỷ lệ đất có rừng che phủ trên tổng diện tích đất tự nhiên

- Tổng diện tích các khu bảo tồn tự nhiên (đặc biệt là khu bảo tồn biển và đất ngập nước) so với diện tích đất tự nhiên

- Tỷ lệ rừng đầu nguồn bị suy thoái được khôi phục

- Trữ lượng rừng hiện có

- Tỷ lệ công nghệ sản xuất nông nghiệp đạt chuẩn về an toàn thực phẩm của WHO

- Số người được tham gia tổ chức tập huấn về phòng chống thiên tai.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Chất lượng nước các lưu vực sông đạt tiêu chuẩn dùng cho nông nghiệp và nuôi trồng một số thủy sản.

6. Bộ Công nghiệp (Báo cáo hàng năm)

- Năng lực tăng thêm của ngành điện (thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí)

- Điện sản xuất hàng năm

- Tỷ lệ tổn thất điện năng.

7. Bộ Giao thông vận tải (Báo cáo hàng năm)

- Năng lực tăng thêm đường bộ

- Năng lực tăng thêm đường sắt

- Năng lực tăng thêm thông qua các cảng

- Khối lượng vận tải hàng hóa tăng hàng năm

- Khối lượng luân chuyển hàng hóa từng năm

- Khối lượng luân chuyển hành khách tăng hàng năm

- Tiếp nhận hành khách tại các sân bay

- Khối lượng vận chuyển hành khách tăng hàng năm

- Hàng hóa thông qua cảng biển.

8. Bộ Bưu chính, Viễn thông (Báo cáo hàng năm)

- Mật độ thuê bao internet/100 dân

- Tỷ lệ dân số thường xuyên sử dụng internet.

9. Bộ Xây dựng

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, công nghiệp và dịch vụ

- Tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại

- Cấp nước sinh hoạt cho đô thị.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ các khu nhà ở chuột ở đô thị và nông thôn được xóa

- Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ địa chính.

10. Bộ Thương mại (Báo cáo hàng năm)

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa hàng năm

- Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến

- Tăng thị phần chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(1). Báo cáo hàng năm

- Số việc làm mới của khu vực doanh nghiệp

- Số lao động được giải quyết việc làm

- Tỷ trọng lao động làm việc trong các ngành kinh tế (nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp và xây dựng, dịch vụ)

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị

- Số lao động được dạy nghề

- Tốc độ tăng tuyển mới dạy nghề

- Tốc độ tăng dạy nghề dài hạn

- Số cơ sở vật chất cho giáo dục và dạy nghề được tăng cường

- Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp

- Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm

- Tỷ lệ hộ gia đình chính sách được hưởng trợ cấp xã hội

- Tỷ lệ người nghèo được hỗ trợ kinh phí để cải thiện nhà ở tránh bão, tránh lụt

- Tỷ lệ người nghèo và cận nghèo được cấp bảo hiểm y tế

- Số thiệt hại về người và của do thiên tai gây ra

- Số người bị tái nghèo do thiên tai và rủi ro khác

- Tỷ lệ phường xã có tổ chức định kỳ các hoạt động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội.

- Số người nghiện ma túy, mại dâm có hồ sơ quản lý cai nghiện, chữa trị.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ hộ nghèo và các hộ chính sách được hưởng giáo dục cơ bản miễn phí

- Số xã nghèo được công nhận thoát nghèo; số hộ thoát nghèo

- Thu nhập bình quân của người nghèo

- Tỷ lệ người có công được cải thiện mức sống

- Tỷ lệ trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em trong các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em khuyết tật được tiếp xúc với các dịch vụ cơ bản

- Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề/tổng số lao động

- Tỷ lệ lao động nữ trong tổng số việc làm mới.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ chi NSNN cho giáo dục và đào tạo/tổng chi NSNN

- Tỷ lệ hộ nghèo và các hộ chính sách được hưởng giáo dục cơ bản miễn phí

- Số tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở

- Số phòng học mới được xây dựng và cải tạo

- Số phòng học 3 ca của cả nước

- Số giờ học cả ngày ở cấp tiểu học

- Tuyển mới đại học, cao đẳng/10.000 dân

- Tốc độ tăng tuyển mới đại học và cao đẳng

- Tốc độ tăng tuyển mới trung học chuyên nghiệp

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo

- Tỷ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi

- Tỷ lệ nhập học PTTH đúng độ tuổi

- Tỷ lệ nhập học THCS đúng độ tuổi

- Tỷ lệ học sinh có sách giáo khoa theo chương trình và phương pháp dạy học mới

- Tỷ lệ học sinh so với giáo viên

- Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp

- Tỷ lệ giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng

- Tỷ lệ giáo viên phổ thông trung học có trình độ thạc sỹ

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và khu vực

- Số giờ học thực hành trên tổng số giờ học

- Số trường học được cung cấp nước an toàn và có đủ nhà vệ sinh phù hợp với trẻ em giành riêng cho nam và nữ

- Tỷ lệ trường học đảm bảo giáo dục thể chất.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ trường tiểu học tại vùng dân tộc thiểu số tập trung có dạy tiếng dân tộc thiểu số

- Tỷ lệ trường phổ thông cơ sở tại vùng dân tộc thiểu số tập trung có dạy tiếng dân tộc thiểu số

- Tỷ lệ trẻ em được dạy tiếng dân tộc thiểu số

- Tỷ lệ chi cho giáo dục từ các hộ gia đình so với tổng chi cho giáo dục, theo nhóm dân tộc, nhóm thu nhập

- Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo/tổng số lao động.

13. Bộ Y tế

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ chi NSNN cho y tế trong tổng chi NSNN

- Chi đầu tư cho trung tâm y tế dự phòng các tỉnh, thành phố

- Số giường bệnh trên 1 vạn dân

- Tỷ lệ giường bệnh trong các bệnh viện tư trên tổng số giường bệnh

- Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ 6 loại vacxin

- Tỷ lệ người mắc bệnh dịch nguy hiểm; Tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét, bấu cổ, lao, phong và các bệnh dịch nguy hiểm, các bệnh xã hội

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng

- Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống

- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi

- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi

- Số bác sỹ trên 10.000 dân

- Số dược sỹ trên 10.000 dân

- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ

- Tỷ lệ trạm y tế xã có đủ điều kiện hoạt động và đủ nữ hộ sinh

- Số vụ ngộ độc thực phẩm hàng năm

- Tỷ lệ mẫu thực phẩm được kiểm nghiệm đạt chuẩn về an toàn thực phẩm của WHO

- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ trạm y tế xã miền núi có bác sỹ

- Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng với các dịch vụ y tế

- Tỷ lệ dân số được tiếp cận với dịch vụ y tế.

14. Bộ Văn hóa - Thông tin

(1). Báo cáo hàng năm

- Chi NSNN cho ngành văn hóa, thông tin/tổng chi NSNN

- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa

- Tỷ lệ làng, bản đạt chuẩn văn hóa

- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa

- Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công

- Số đoàn nghệ thuật công lập chuyên sang hoạt động theo cơ chế phục vụ công ích

- Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, xem phim,...)/năm

- Số buổi chiếu phim lưu động

- Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng,.. được bảo tồn

- Tỷ lệ công trình văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì, phát triển

- Số người đến tham quan các điểm du lịch và văn hóa

- Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Số hình thức văn hóa của dân tộc thiểu số được duy trì và phát triển

- Tỷ lệ huy động các nguồn lực khác đầu tư cho ngành văn hóa thông tin trên GDP.

15. Đài tiếng nói Việt Nam (Báo cáo hàng năm)

- Số giờ chương trình Đài tiếng nói Việt Nam

- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam

- Số các chương trình phát thanh được phát bằng tiếng dân tộc

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được

nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc.

16. Đài truyền hình Việt Nam (Báo cáo hàng năm)

- Số giờ chương trình truyền hình Việt Nam

- Tỷ lệ hộ xem được Truyền hình Việt Nam.

17. Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em

(1). Báo cáo hàng năm

- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo vệ, chăm sóc

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em

- Tỷ lệ trẻ em bị lạm dụng, xâm hại tình dục, lao động nặng nhọc

- Tỷ lệ lao động trẻ em dưới 16 tuổi

- Tỷ lệ trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em trong vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em khuyết tật được tiếp xúc các dịch vụ cơ bản, học tập, chăm sóc sức khỏe, hoạt động xã hội.

18. Ủy ban Thể dục Thể thao

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ trường học đảm bảo giáo dục thể chất

- Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên

- Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao
- Số vận động viên cấp cao
- Số vận động viên cấp kiện tướng.
- Số huấn luyện viên hiện có.
- Số môn thể thao hoạt động theo cơ chế chuyên nghiệp.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao
- Số cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập
- Số tỉnh, thành phố, quận, huyện có đủ các công trình Thể dục Thể thao cơ bản: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu đa năng,...

19. Ủy ban Dân tộc

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ xã nghèo được hỗ trợ về kết cấu hạ tầng thiết yếu
- Số các chương trình phát thanh được phát bằng tiếng dân tộc
- Chi NSNN cho các công trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số
- Tỷ lệ trẻ em được dạy tiếng dân tộc thiểu số.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ người dân tộc được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo ở các cấp/tổng số cán bộ lãnh đạo các cấp

- Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số

- Thu nhập người dân tộc thiểu số

- Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc tham gia chính quyền trong tổng số cán bộ nữ tham gia chính quyền

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được qua đào tạo

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số ổn định chỗ ăn ở và sản xuất

- Tỷ lệ chi cho giáo dục từ các hộ gia đình so với tổng chi cho giáo dục, theo nhóm dân tộc

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo theo nhóm dân tộc.

20. Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ nữ giới tham gia vào quản lý trong bộ máy nhà nước
- Tỷ lệ lao động nữ trong tổng số việc làm mới.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ phụ nữ bị bạo hành trong gia đình

- Tỷ lệ phụ nữ trong tổng số người được đào tạo nghề và vay tín dụng.

21. Bộ Công an (Báo cáo hàng năm)

- Số vụ buôn bán phụ nữ và trẻ em
- Số vụ buôn bán và sử dụng ma túy được xử lý
- Tỷ lệ tái nghiện của những người đã từng nghiện ma túy.

22. Bộ Tư pháp

(1). Báo cáo hàng năm

- Mức độ hoàn thành các cam kết yêu cầu sau khi gia nhập WTO, các cam kết song phương, đa phương và các cam kết quốc tế khác

- Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu lực hoặc trùng lặp được loại bỏ

- Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành

- Số văn bản hướng dẫn xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo hài hòa cả 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Mức độ hài lòng về môi trường pháp lý.

23. Bộ Nội vụ (Báo cáo giữa kỳ năm 2008 và cuối kỳ năm 2010)

- Số cơ quan nhà nước có chức năng nhiệm vụ rõ ràng

- Tỷ lệ cán bộ, công chức được nâng cao trình độ/tổng số công chức

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo ở các cấp

- Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc tham gia chính quyền/tổng số cán bộ nữ tham gia chính quyền

- Tỷ lệ nữ tham gia cơ quan chính quyền, hội đồng nhân dân các cấp, Quốc hội.

24. Bộ Tài nguyên và Môi trường

(1). Báo cáo hàng năm

- Số đơn vị hành chính các cấp thực hiện chính sách một cửa.

- Số đơn vị cơ quan nhà nước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000

- Số cơ quan hành chính được cấp giấy chứng nhận TCVN ISO 9001 - 2000

- Tỷ lệ thất thoát trong sử dụng nước

- Mức độ ổn định lưu lượng dòng chảy các lưu vực chính.

- Sự biến động mực nước ngầm.

- Tỷ lệ các điểm nóng về nhiệt độ đi-ô-xin được khắc phục

- Độ chính xác tỷ lệ dự báo bão trước 48 giờ

- Tỷ lệ dự báo đúng đỉnh lũ hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình trước 48 giờ

- Tỷ lệ dự báo đúng lũ sông Cửu Long trước 3 - 5 ngày

- Tỷ lệ dự báo lũ quét, sóng thần với độ chính xác cao

- Tỷ lệ các doanh nghiệp được cấp chứng chỉ ISO 14001

- Tỷ lệ các khu đô thị đạt tiêu chuẩn môi trường

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý

- Tỷ lệ ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, làng nghề, các thành phố và vệ sinh môi trường nông thôn ở các vùng có mật độ dân số cao

- Chỉ số ô nhiễm môi trường đô thị

- Tỷ lệ đường phố có cây xanh

- Tỷ lệ đất công viên hiện có ở các đô thị

- Tỷ lệ ô nhiễm môi trường không khí và ô nhiễm đô thị ở các thành phố lớn

- Số huyện, quận xây dựng xong bản đồ địa chính và công khai cho dân chúng biết

- Tỷ lệ hộ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Số văn bản hướng dẫn xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo hài hòa 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường

- Số bộ, ngành, địa phương tổ chức xây dựng và ban hành chương trình nghị sự 21

- Số bộ, ngành, địa phương thực hiện các mô hình thí điểm bền vững.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ quỹ đất đã khai thác được bảo vệ

- Quỹ đất chưa khai thác được đưa vào khai thác có hiệu quả

- Tỷ lệ diện tích đất các loại được giao quản lý sử dụng

- Tỷ lệ đất được khai thác và sử dụng hiệu quả.

25. Kiểm toán Nhà nước (Báo cáo hàng năm)

- Tỷ lệ các bộ, ngành và địa phương áp dụng báo cáo kiểm toán theo chuẩn kiểm toán Việt Nam

- Kết luận kiểm toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước được công bố công khai

- Số doanh nghiệp nhà nước thua lỗ hàng năm.

26. Ngân hàng Nhà nước

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ trọng cho vay các khu vực kinh tế (doanh nghiệp nhà nước/doanh nghiệp ngoài quốc doanh)

- Tỷ lệ tín dụng trung và dài hạn trên tổng dư nợ

- Tỷ lệ số vốn huy động ngắn hạn chuyển cho vay trung và dài hạn trên tổng số vốn huy động ngắn hạn

- Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán

- Tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng

- Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng/M2

- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ áp dụng chuẩn mực giám sát ngân hàng theo chuẩn quốc tế.

27. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Báo cáo hàng năm)

- Đầu tư từ nguồn tín dụng nhà nước hàng năm.

28. Ngân hàng Chính sách xã hội (Báo cáo hàng năm)

- Cho vay nguồn tín dụng chính sách hàng năm

- Tỷ lệ phụ nữ được vay vốn tín dụng.

29. Ban đổi mới doanh nghiệp (Báo cáo hàng năm)

- Số lượng doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi sở hữu

- Số doanh nghiệp thua lỗ/tổng số doanh nghiệp

- Vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước.

30. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

(1). Báo cáo hàng năm

- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế
- Tỷ lệ người nghèo và cận nghèo được cấp bảo hiểm y tế
- Tỷ lệ người dân đóng bảo hiểm xã hội

- Tỷ lệ người dân được hưởng trợ cấp xã hội.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Tỷ lệ người dân sử dụng thẻ bảo hiểm y tế hài lòng với các dịch vụ khám chữa bệnh được cung cấp.

31. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Báo cáo giữa kỳ năm 2008 và cuối kỳ năm 2010)

- Tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh hài lòng về môi trường pháp lý bình đẳng

- Tỷ lệ các doanh nghiệp hài lòng với thủ tục hành chính hiện hành.

32. Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố

(1). Báo cáo hàng năm

- Số đơn vị hành chính nhà nước áp dụng phương pháp lập kế hoạch chi tiêu trung hạn

- Số đơn vị hành chính thực hiện phân bổ chi tiêu NSNN gắn với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội

- Tỷ lệ chi ngân sách cho các đối tượng chính sách

- Chi NSNN cho các chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số

- Chi NSNN cho giáo dục và đào tạo/tổng chi NSNN của địa phương

- Chi NSNN của địa phương/tổng chi NSNN của địa phương

- Chi đầu tư cho trung tâm y tế dự phòng tỉnh

- Chi NSNN của địa phương cho lĩnh vực văn hóa/tổng chi NSNN của địa phương

- Chi NSNN và các nguồn vốn nhà nước khác cho đào tạo

- Năng lực tăng thêm thông qua các cảng (nếu có)

- Số Km đường địa phương được: làm mới, nâng cấp, cải tạo

- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa

- Tỷ lệ làng, bản đạt chuẩn văn hóa

- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa

- Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công

- Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu lực hoặc trùng lặp được loại bỏ

- Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành

- Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo kê khai tài sản theo Luật Phòng, chống tham nhũng

- Số quy chế quy định trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan trước cấp trên và trước pháp luật đối với các hành vi trái pháp luật, kỷ luật hành chính, phạm tội hình sự

- Tỷ lệ dự án đầu tư có sự tham gia giám sát của người dân

- Tỷ lệ các cơ quan cung cấp dịch vụ ở địa phương công bố phí dịch vụ

- Tỷ lệ các cấp chính quyền địa phương thực hiện giao dịch qua mạng

- Số tỉnh, thành phố áp dụng phương pháp lập kế hoạch dựa trên kết quả và có tham vấn ý kiến cộng đồng, kể cả người nghèo

- Tỷ lệ các xã công khai thông tin về ngân sách xã

- Số người, phương tiện bị thiệt hại do bão, lũ lụt, lũ quét, sóng thần gây ra (nếu có)

- Số đơn vị hành chính thực hiện báo cáo kiểm toán theo chuẩn kiểm toán Việt Nam

- Tỷ lệ chi tiêu công có thuộc tính NSNN (theo ngành, theo nguồn)/tổng chi NSNN của địa phương

- Tỷ lệ chi bảo dưỡng trên tổng chi ngân sách nhà nước

- Phân bổ chi tiêu ngân sách gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương

- Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em

- Số trẻ em nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em khuyết tật được bảo vệ, tiếp xúc với các dịch vụ cơ bản như: học tập, chăm sóc sức khỏe

- Số huyện, quận xây dựng xong bản đồ địa chính và công bố công khai

- Tỷ lệ dân nông thôn được cung cấp nước sạch

- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch
- Tỷ lệ hộ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Tỷ lệ hộ nghèo và hộ chính sách được hưởng giáo dục cơ bản miễn phí
- Số xã nghèo được công nhận thoát nghèo
- Số hộ thoát nghèo
- Tỷ lệ hộ nghèo
- Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số
- Tỷ lệ hộ gia đình chính sách được hưởng trợ cấp xã hội
- Tỷ lệ hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí được cải thiện nhà ở tránh bão, trú bão
- Số hộ bị tái nghèo, do thiên tai và rủi ro khác
- Số người bị thiệt hại về người và của do thiên tai gây ra
- Số người được tham gia tổ chức tập huấn về phòng chống thiên tai
- Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm, trong đó số lao động nữ
- Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp
- Số phòng học được xây dựng mới cải tạo
- Số phòng học 3 ca
- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo
- Tỷ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi
- Tỷ lệ nhập học PTTH đúng độ tuổi
- Tỷ lệ nhập học THCS đúng độ tuổi
- Tốc độ tăng tuyển mới trung học chuyên nghiệp
- Tỷ lệ giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng
- Tỷ lệ giáo viên PTTH có trình độ thạc sĩ
- Tỷ lệ học sinh có sách giáo khoa theo chương trình và phương pháp dạy học mới
- Tỷ lệ học sinh so với giáo viên
- Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và khu vực
- Số giờ học thực hành trên tổng số giờ học
- Tổng số giường bệnh/10.000 dân
- Tỷ lệ giường bệnh trong các bệnh viện tư/tổng số giường bệnh
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ 6 loại vacxin
- Tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét, bấu cổ, lao, phong và các bệnh dịch nguy hiểm, các bệnh xã hội
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng
- Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống
- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi
- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi

- Số bác sỹ/10.000 dân
- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ, trong đó tỷ lệ trạm y tế xã miền núi có bác sỹ
- Tỷ lệ trạm y tế xã có đủ điều kiện hoạt động và đủ nữ hộ sinh
- Số vụ ngộ độc thực phẩm/dân số
- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế
- Tỷ lệ người nghèo và cận nghèo được cấp bảo hiểm y tế
- Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân
- Tỷ lệ, xã phường đạt chuẩn văn hóa
- Tỷ lệ làng, bản đạt chuẩn văn hóa
- Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công
- Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang hoạt động theo cơ chế phục vụ công ích
- Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,...)/năm
- Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn
- Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn
- Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam
- Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam
- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc
- Số tỉnh, thành phố, quận, huyện có đủ các công trình thể dục thể thao cơ bản: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu đa năng,...
- Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập
- Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên
- Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao
- Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các hoạt động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội
- Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý cai nghiện và chữa trị
- Tỷ lệ đất được khai thác và sử dụng có hiệu quả
- Tỷ lệ các khu nhà ổ chuột ở đô thị và nông thôn được xóa bỏ
- Tỷ lệ đường phố có cây xanh
- Số khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường
- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường bị xử lý
- Số đơn vị hành chính thực hiện chính sách một cửa
- Số quy định không cần thiết về cấp phép, thanh tra, kiểm tra được xóa bỏ
- Số đơn vị hành chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000.

(2). Báo cáo giữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

- Thu nhập bình quân của người nghèo, người dân tộc thiểu số

- Thu nhập bình quân của 20% hộ nghèo nhất

- Thu nhập bình quân của 20% hộ giàu nhất

- Tỷ lệ xã nghèo có đường ô tô đến trung tâm xã

- Tỷ lệ xã nghèo được hỗ trợ về kết cấu hạ tầng thiết yếu

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo ở các cấp

- Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc tham gia chính quyền/tổng số cán bộ nữ tham gia chính quyền

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được cấp sổ đỏ đối với đất nông nghiệp và đất rừng

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được ổn định chỗ ăn, ở và sản xuất

- Tỷ lệ các khu nhà ổ chuột ở đô thị và nông thôn được xóa

- Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ địa chính

- Tỷ lệ trẻ em lang thang, cơ nhỡ, khuyết tật được nhận các trợ giúp xã hội

- Số doanh nghiệp được cấp chứng nhận ISO 14001

- Số cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý

- Tỷ lệ ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, làng nghề, các thành phố và các vùng nông thôn, vùng có mật độ dân số cao./.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUỒN SỐ LIỆU

(kèm theo Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007)

1. Chỉ số

Chỉ số là một thước đo để đo lường các tiến bộ đạt được. Các chỉ số có tác dụng khi so sánh với mục tiêu đề ra hay nói một cách khác các chỉ số phục vụ cho việc đánh giá việc thực hiện một mục tiêu nào đó.

Chỉ số có thể phân loại thành chỉ số đầu vào, chỉ số đầu ra, chỉ số kết quả và chỉ số tác động.

Các chỉ số đưa ra phải gắn kết được với mục tiêu đề ra; mỗi mục tiêu cần ứng với ít nhất một chỉ số đầu vào, đầu ra và một chỉ số kết quả. Đồng thời các chỉ số đầu vào, đầu ra, kết quả và tác động phải được gắn kết với nhau để tạo thành một chuỗi logic các kết quả.

Một chỉ số tốt là: (1) phải đo được các tiến bộ một cách trực tiếp và rõ ràng; (2) phải phù hợp, tức là đo được các nhân tố phản ánh mục tiêu; (3) các chỉ số này có thể thay đổi tùy thuộc vào ngành và lĩnh vực khác nhau bị tác động bởi những thay đổi của các chính sách, chương trình và tổ chức; (4) có thể theo dõi được nguồn gốc, có sẵn và việc triển khai không quá tốn kém.

Các chỉ số đề ra phải thỏa mãn các tiêu chí sau: (1) Chính xác và không chung chung; (2) Đo đếm được hoặc ít nhất cũng quan sát được với chi phí phải chăng; (3) Phù hợp với mục tiêu; (5) Có mốc thời gian cụ thể.

2. Chỉ tiêu

Chỉ tiêu là sự lượng hóa của chỉ số. Đối với một bản kế hoạch cụ thể thường có một số giá trị cơ sở và chỉ tiêu cho các chỉ số. Các chỉ tiêu đưa ra cần phải được đặt trên cơ sở hiểu rõ thực trạng và khả thi có thể đạt được khi kết thúc kỳ kế hoạch.

Đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, hàng loạt chỉ tiêu đã được đưa ra (xem chi tiết tại Khung theo dõi và đánh giá kèm theo Quyết định này). Các chỉ tiêu được xây dựng căn cứ Nghị quyết số 56/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 - 2010.

3. Về các nguồn dữ liệu của các chỉ số, chỉ tiêu trong khung theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010

Theo chức năng cụ thể và khả năng thu thập số liệu, hàng năm, 2 năm, kết

thúc kỳ kế hoạch: từng bộ, ngành và địa phương phụ trách hoặc quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương sẽ chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu cho các chỉ số chỉ tiêu đầu vào, đầu ra và kết quả, tác động.

Trong khung theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 kèm theo Quyết định này đã chỉ rõ:

- Cột số 5 là cơ quan chịu trách nhiệm

báo cáo tình hình thực hiện các chỉ số, chỉ tiêu đầu ra tại cột số 3.

- Cột số 6 là cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các chỉ số, chỉ tiêu kết quả, tác động tại cột số 4.

- Bảng tổng hợp phân công, theo dõi và đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2006 - 2010

Các nguồn số liệu trên đây có thể sử dụng qua các báo cáo hành chính hoặc các cuộc điều tra và tham vấn độc lập./.